

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2017/HNGĐ-ST.  
Ngày 06-9-2017.  
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Trường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Văn Đức;

Ông Nguyễn Tấn Minh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Huỳnh Như Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2017 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Ấp C, xã, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Hưng Q, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp C, xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 20/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:*

Chị và anh Trần Hưng Q chung sống với nhau từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Chị và anh Q sống cùng gia đình bên chị, quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Q ham mê cờ bạc và thường gây gổ với chị. Nay chị yêu cầu ly hôn đối với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có một con chung tên Trần Thị Xuân H sinh năm 1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 6 năm 2017 bị đơn anh Trần Hưng Q trình bày:*

Nhận thấy như lời trình bày của chị D về hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh tiêu sài hoang phí, anh không có ham mê cờ bạc như chị D trình bày.

Nguyện vọng anh đồng ý ly hôn với chị D. Khi ly hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn thực hiện chưa đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh Q; về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Q vắng mặt tại phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh Q chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn, nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là không hợp pháp. Do đó cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh Q là phù hợp với khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung, về chia tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Chị D là nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trần Hưng Q.

2. Về nuôi con chung, về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008925 ngày 05/6/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

#### ***Nơi nhận:***

- TA Tây Ninh;
- VKS H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trần Văn Trường**